

Số: 361/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành quy định thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số: 945/QĐ-TTg ngày 04/07/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số: 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số: 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư số: 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2017-2018.

Điều 3. Trưởng các phòng: Công tác HSSV, Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, Tài chính-Kế toán, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*AM*

Nơi nhận:

- Như điều 3,
- Lưu TCHC, CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đức Quý

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2018

QUY ĐỊNH

Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*(Ban hành theo Quyết định số: 361/QĐ-ĐHCN, ngày 06 tháng 4 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)*

CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Căn cứ ban hành quy định

1.1. Quyết định số: 945/QĐ-TTg ngày 04/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

1.2. Nghị định số: 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 (sau đây gọi tắt là: Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015);

1.3. Thông tư số: 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 (sau đây gọi tắt là: Thông tư số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016).

2. Nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức Hội đồng xét duyệt chính sách miễn giảm học phí cho sinh viên

Hội đồng xét duyệt chế độ chính sách cho sinh viên là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng xét duyệt hồ sơ và đề xuất danh sách sinh viên được miễn giảm học phí.

Thành phần hội đồng gồm:

Chủ tịch hội đồng là Hiệu trưởng (hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo được Hiệu trưởng ủy quyền).

Ủy viên thường trực là Trưởng phòng (hoặc phó Trưởng phòng) Phòng Công tác HSSV.

Các ủy viên gồm đại diện các đơn vị: Đào tạo, Tổ chức Hành chính, Tài chính kế toán, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên.

CHƯƠNG II

XÉT CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

1. Đối tượng áp dụng

Sinh viên học chính quy, học liên thông theo hình thức đào tạo chính quy.

2. Đối tượng được miễn, giảm học phí

2.1. Đối tượng được miễn học phí

a) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh, Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có).

Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; con của anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con liệt sỹ, con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Người từ 16 đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi.
- Mồ côi cả cha và mẹ.
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị mất tích theo quy định của pháp luật.
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.
- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d) Sinh viên hệ cử tuyển.

e) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

f) Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (dân tộc La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng; Cống, Cờ Lao, Bô Y; Si La; Pu Páo; Rơ Măm; BRâu, Ô Đu) ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Văn bản quy định vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn tại Phụ lục I Thông tư 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016.

2.2. Đối tượng giảm học phí

a) Giảm 70% học phí đối với sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp. Danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định.

b) Giảm 70% học phí đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Văn bản quy định vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn tại Phụ lục I Thông tư 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016.

c) Giảm 50% học phí đối với sinh viên là con cán bộ, công nhân viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

3. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu học phí của nhà trường.

4. Trình tự thủ tục hồ sơ

Trong thời hạn kể từ ngày nhập học đến ngày 31/10 hàng năm sinh viên có đơn đề nghị miễn giảm học phí và các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn giảm học phí về Phòng Công tác HSSV:

a) Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định điểm a khoản 2.1 của quy định này.

b) Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 2.1 của quy định này.

c) Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại điểm c khoản 2.1 của quy định này.

d) Giấy khai sinh (bản sao có công chứng) và giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp đối với đối tượng được quy định tại điểm e khoản 2.1 của quy định này.

e) Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu (bản sao có công chứng) đối với đối tượng được quy định tại điểm f khoản 2.1 và điểm b khoản 2.2 của quy định này.

f) Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc Quyết định về việc được hưởng chế độ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp của cha hoặc mẹ do tổ chức

bảo hiểm xã hội đối với đối tượng được quy định tại điểm c khoản 2.2 của quy định này.

g) Căn cứ vào chuyên ngành học của sinh viên để quyết định miễn giảm học phí đối với đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2.2 của quy định này.

Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí chỉ phải nộp 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian khóa học. Riêng đối với sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì hàng năm từ 01/01 đến 28/02 phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn giảm học phí cho kỳ tiếp theo.

5. Quy định về dừng miễn, giảm học phí

Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được cấp bù tiền miễn giảm học phí.

6. Công thức tính học phí miễn giảm và thời gian lọc dữ liệu

6.1. Công thức tính

$$\text{Học phí miễn giảm} = N_{\text{TCHP}} \times H_{\text{CT}} \times H_{\text{LHP}} \times \text{ĐG}$$

Trong đó:

N_{TCHP} : là số tín chỉ của học phần để tính học phí

H_{CT} : Là hệ số học phí theo chương trình đào tạo đại trà có $H_{\text{CT}}=1.0$

H_{LHP} : Là hệ số học phí của lớp học phần được mở theo kế hoạch và tiến độ đào tạo có $H_{\text{LHP}}= 1.0$

ĐG: là đơn giá học phí cho một tín chỉ học phí do Hiệu trưởng quy định hàng năm

6.2. Thời gian lọc dữ liệu

Hàng kỳ nhà trường tiến hành họp xét miễn giảm học phí căn cứ trên số lượng học phần sinh viên đăng ký học lần thứ nhất. Nhà trường xác định mốc thời gian lọc như sau:

Danh sách lọc từ ngày 01/7 đến 30/11 làm căn cứ xét học kỳ 1

Danh sách lọc từ ngày 1/12 đến 30/6 làm căn cứ xét học kỳ 2

7. Phương thức thực hiện miễn giảm học phí

7.1. Miễn giảm học phí

Miễn, giảm học phí đối với số tín chỉ sinh viên đăng ký học lần thứ nhất từ 1/1 đến 31/12 trong học kỳ chính và bao gồm cả tín chỉ của tất cả các học phần mà sinh viên đăng ký học lần thứ nhất ở học kỳ phụ được tính vào học kỳ chính đó (nếu có).

7.2. Không miễn giảm học phí

a) Không miễn, giảm học phí đối với tín chỉ tiếng anh và tin học thuộc đề án.

b) Không miễn, giảm học phí đối với tín chỉ đăng ký học lại và học cải thiện.

7.3. Phương thức thực hiện

a) Đối với sinh viên mới nhập học, Học kỳ 1 sinh viên nộp học phí trước. Sau khi hội đồng xét duyệt sẽ cấp bù lại cho sinh viên.

b) Đối với sinh viên đạt thủ khoa các khối xét tuyển, sinh viên đạt giải nhất cuộc thi khoa học cấp quốc gia được nhà trường miễn kinh phí đào tạo cả khóa học, sinh viên có tổng điểm 3 môn xét tuyển đầu vào cao nhất các khối xét tuyển (trừ các sinh viên thủ khoa) được nhà trường miễn kinh phí đào tạo năm thứ nhất mà thuộc một trong các đối tượng miễn, giảm học phí tại điểm a,b,c,d,e,f, khoản 2.1 tại quy định này thì:

- Được miễn kinh phí đào tạo do nhà trường cấp.

- Được hưởng kinh phí nhà nước cấp theo quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 đối với các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên. Nhà trường sẽ chi trả kinh phí khi ngân sách nhà nước cấp.

c) Sinh viên thuộc đối tượng miễn giảm học phí khi đăng ký học phần thi hệ thống ghi nhận nợ số tiền miễn giảm. Hàng kỳ nhà trường tiến hành họp xét và ban hành quyết định miễn giảm học phí 2 lần vào tháng 7 và tháng 12, hệ thống sẽ trừ tiền nợ trên của sinh viên khi nhà trường nhận được kinh phí nhà nước cấp.

Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới.

Quy định này có hiệu lực từ năm học 2017-2018. / 

Nơi nhận:

- Giám hiệu (để b/c),
- Các Khoa/TT đào tạo,
- Lưu VT, CTHSSV.

